TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10 – 9 – 2019

"V/v không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồn g xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh
Bà Trần Thị Thúy Hoa

- *Thư ký phiên toà:* Bà Đinh Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 10/9/2019, tại Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 441/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 05/8/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 105/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Cẩm L – Sinh năm 1985
Địa chỉ: Đường V, phường T, thành phố B, Đắk Lắk

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1971
Địa chỉ: Đường V, phường T, thành phố B, Đắk Lắk

(Chị Bùi Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn T đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn chị Bùi Thị Cẩm L trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2005 cho đến năm 2019 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã, không còn tin tưởng, yêu thương nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng trầm trọng, nếu có tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, tôi và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung:

+ Nguyễn Cẩm L – Sinh ngày 19/12/2006 (mất ngày 11/6/2019);

+ Nguyễn Văn D – Sinh ngày 12/11/2008.

Tôi đồng ý giao cháu Nguyễn Văn D cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Tôi được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:* Tôi và cô Bùi Thị Cẩm L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 cho đến năm 2019 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Từ năm 2015 bà L đã theo người khác nên tôi và bà L không chung sống với nhau từ năm đó cho tới nay. Tôi cũng đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa tôi và bà Bùi Thị Cẩm L là vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 con chung:

+ Nguyễn Cẩm L – Sinh ngày 19/12/2006;

+ Nguyễn Văn D – Sinh ngày 12/11/2008.

Cháu Nguyễn Thị Cẩm L đã mất ngày 11/6/2019. Hiện tại cháu Nguyễn Văn D đang sống với tôi. Nguyện vọng của tôi xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn D đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu cô L cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

**** Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương:*** Chị Bùi Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn T trong thời gian sinh sống tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay cả nguyên đơn là chị Bùi Thị Cẩm L và bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng chị L, anh T đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt họ. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị Bùi Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn T.

[2]. Về nội dung: Theo lời trình bày của chị Bùi Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn T, qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T1 và Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Bùi Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 cho đến nay mà không đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Nay chị Bùi Thị Cẩm L có đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Văn T là có căn cứ, cần chấp nhận.

- *Về con chung*: Chị Bùi Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Cẩm L – Sinh ngày 19/12/2006 (đã mất ngày 11/6/2019) và Nguyễn Văn D – Sinh ngày 12/11/2008.

Xét nguyện vọng của các đương sự và nguyện vọng của cháu D, Hội đồng xét xử nghĩ cần giao cháu Nguyễn Văn D cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Nguyên đơn chị Bùi Thị Cẩm L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Bùi Thị Cẩm L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001703 ngày 06/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Cẩm L

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn T.

- *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Văn D - Sinh ngày: 12/11/2008 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

Chị Bùi Thị Cẩm L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Nguyên đơn chị Bùi Thị Cẩm L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm

ứng án phí mà chị Bùi Thị Cẩm L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001703 ngày 06/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND P. T, Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu Trang